

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/DS-PT

Ngày: 30 - 8 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng; kiện đòi tài sản; tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Thanh Thủy.

Các Thẩm phán: bà Bùi Thị Thu Hằng.

Bà Đỗ Thu Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLPT-DS ngày 08/3/2024, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, kiện đòi tài sản; tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08a/2024/QĐ-PT ngày 08/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐ-PT ngày 05/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/QĐ-PT ngày 05/7/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐ-PT ngày 01/8/2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Tên viết tắt: Agribank); địa chỉ trụ sở: số 02, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Thào Thị D - Chức vụ: Giám đốc Agribank, chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ; Địa chỉ: số 546, tổ dân phố 01, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (Theo Quyết định ủy quyền số 2655/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 của Agribank);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thào Thị D: ông Lê Doãn S - Chức vụ: Giám đốc Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh; Địa chỉ: tổ dân phố 12, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (*Giấy ủy quyền số 09/GUQ-NHNoTP ngày 29/9/2020 của giám đốc Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ*).

## **2. Bị đơn:**

2.1. Chị Lê Thùy D; Nơi ĐKHKTT: bản Co M, xã Mường Đ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký tạm trú: tổ dân phố 07, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

2.2. Ông Lê Thanh H; Nơi ĐKHKTT: bản Co M, xã Mường Đ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký tạm trú: tổ dân phố 07, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, chị D: bà Hà Thị B; Nơi ĐKHKTT: bản Co M, xã Mường Đ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký tạm trú: tổ dân phố 07, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (*Hợp đồng ủy quyền số 1793/2020, quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/10/2020 giữa người ủy quyền: ông Lê Thanh H, người được ủy quyền bà Hà Thị B, Giấy ủy quyền ngày 12/12/2022, giữa người ủy quyền chị Lê Thùy D, người được ủy quyền bà Hà Thị B*).

## **3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Hà Thị B; Nơi ĐKHKTT: bản Co M, xã Mường Đ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký tạm trú: tổ dân phố 07, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

3.2. Anh Lê Ngọc T; Địa chỉ: tổ dân phố 07, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

3.3. Bà Nguyễn Thị H1; Địa chỉ: thôn Cao Trung, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hân: bà Hà Thị B; Nơi ĐKHKTT: bản Co M, xã Mường Đ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký tạm trú: tổ dân phố 07, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; (*Hợp đồng ủy quyền số công chứng 6836.2022/HĐ-UQ, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/10/2022 giữa bên ủy quyền bà Nguyễn Thị H1, bên nhận ủy quyền bà Hà Thị B*).

3.4. Bà Lưu Thị Y; Địa chỉ: số nhà 13, tổ dân phố 07, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

3.5. Ông Dương Tiến Đ; Địa chỉ: số nhà 13, tổ dân phố 07, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

3.6. Ông Lưu Huy B; Địa chỉ: đội 19, xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

3.7. Bà Nguyễn Thị T; Địa chỉ: đội 19, xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Đoàn, ông Bích, bà Thọ là: bà Lưu Thị Y; Địa chỉ: số nhà 13, tổ dân phố 07, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (*Giấy ủy quyền số chứng thực 111 ngày 16/3/2021 giữa bên ủy quyền ông Dương Tiến Đ, bên nhận ủy quyền: bà Lưu Thị Y, Giấy ủy quyền ngày 16/3/2021 giữa bên ủy quyền ông Lưu Huy B, bà Nguyễn Thị T, bên nhận ủy quyền bà Lưu Thị Y*).

3.8. Bà Thào Thị D - Chức vụ: Giám đốc Agribank, chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ; Địa chỉ: Số 546, tổ dân phố 01, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

3.9. Bà Nguyễn Thị T1; Nơi công tác: Ngân hàng nông nghiệp tỉnh Điện Biên; Địa chỉ: Số 884, đường Võ Nguyễn Giáp, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

#### **4. Người làm chứng:**

- Bà Lò Thị T2; Địa chỉ: tổ dân phố 1, phường Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Chị Đinh Thị H V; Địa chỉ: số nhà 125, tổ dân phố 02, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

#### **5. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự:**

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hà Thị B: ông Nguyễn Cảnh P - Luật sư, Văn phòng luật sư A1 thuộc đoàn luật sư tỉnh Điện Biên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Thanh H: bà Nguyễn Thị Thu H2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên.

**6. Người kháng cáo:** Ông Lê Thanh H, chị Lê Thùy D, bà Hà Thị B; Cùng địa chỉ: tổ dân phố 07, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Những người được Tòa án triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm: ông Lê Doãn S, bà Hà Thị B, ông Nguyễn Cảnh P, bà Nguyễn Thị Thu H2 có mặt tại phiên tòa. Bà Nguyễn Thị H1, ông Lê Thanh H, chị Lê Thùy D, bà Thào Thị D, bà Nguyễn Thị T vắng mặt có lý do; Bà Lưu Thị Y, ông Dương Tiến Đ, ông Lưu Huy B, bà Nguyễn Thị T, chị Đinh Thị H V, anh Lê Ngọc T, bà Lò Thị T2 vắng mặt không lý do.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

1.1. Ngày 30/7/2018, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (*Tên viết tắt: Agribank*); chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh (viết tắt là: Ngân hàng) có cho ông Lê Thanh H vay vốn theo hợp đồng tín dụng (Sau đây viết tắt là: HĐTD) số: 8912- LAV-201801267 ngày 30/7/2018, với số tiền là 2.000.000.000 đồng, mục đích vay tiền là nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Tài sản bảo đảm cho khoản vay là hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 78/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 ký giữa Ngân hàng với ông H và bà B (viết tắt là: HĐTC số 78). Ông H đã trả gốc theo phân kỳ trả nợ lần 1 là 300.000.000 đồng và trả lãi phát sinh đến hết ngày 30/7/2019. Đến phân kỳ trả nợ gốc lần 2 và lãi ngày 30/7/2020, do ông H, bà B vi phạm nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng, nên ngân hàng khởi kiện và yêu cầu:

- Yêu cầu ông Lê Thanh H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank thông qua Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh, theo HĐTD số: 8912- LAV-201801267 ngày 30/7/2018, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng giữa bên cho vay: Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh và bên vay: Ông Lê Thanh H, tổng số tiền tạm tính từ ngày 31/7/2019 đến ngày 04/01/2024 là **2.761.399.589** đồng (Trong đó: Nợ gốc là: 1.700.000.000 đồng; Nợ lãi tính từ ngày 31/7/2019 đến ngày 04/01/2024 là 1.061.399.589 đồng, (trong đó: Lãi trong hạn là: 818.743.288 đồng; Lãi quá hạn: 242.656.301 đồng)), (*Có bổ sung thêm tiền lãi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu, số liệu tính đến ngày xét xử sơ thẩm*).

- Yêu cầu ông Lê Thanh H phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại HĐTD nêu trên từ ngày 05/01/2024 đến khi thi hành án xong, cụ thể: Lãi suất trong hạn là 11.5%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 17,25%/năm.

- Yêu cầu ông Lê Thanh H và bà Hà Thị B tiếp tục thực hiện HĐTC số 78/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 đã ký giữa Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh với ông Lê Thanh H, bà Hà Thị B.

1.2. Ngày 07/12/2017, Agribank, chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh có cho chị Lê Thùy D (Con gái ông H, bà B) vay tiền thông qua HĐTD số: 8912- LAV-201702249 ngày 07/12/2017, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 06/12/2019, với số tiền vay là 2.000.000.000 đồng, mục đích vay: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số 77/2017- HĐTC ngày 07/12/2017 đã ký kết giữa chị D với ngân hàng (Viết tắt là HĐTC số 77), sau khi trả được 200.000.000 đồng trong khoản vay 2.000.000.000 đồng, đến ngày 06/12/2018, chị D lại đề nghị ngân hàng cho vay lại khoản vay 200.000.000 đồng, ngân hàng đồng ý nên đã tiếp tục ký HĐTD số 8912-LAV201802071 ngày 06/12/2018 cho chị D vay khoản tiền 200.000.000 đồng. Sau đó do chị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngân hàng

khởi kiện yêu cầu chị D phải trả nợ cho ngân hàng. Cho đến nay, ngân hàng yêu cầu:

- Yêu cầu chị Lê Thùy D phải trả cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 04/01/2024 là: **3.053.626.027** đồng (Trong đó: Nợ gốc là: 1.800.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 04/01/2024 là: 1.253.626.027 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là 935.186.301 đồng, lãi quá hạn: 318.439.726 đồng)), theo HĐTD số: 8912-LAV-201702249 ngày 07/12/2017, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng đề ngày 06/12/2019 (*Có yêu cầu bổ sung thêm tiền lãi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu, số liệu tính đến ngày xét xử sơ thẩm*).

- Yêu cầu chị Lê Thùy D phải trả cho ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 04/01/2024 là: **326.054.179** đồng (Trong đó: Nợ gốc là: 200.000.000 đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 04/01/2024 là 126.054.179 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là: 98.112.329 đồng; Lãi quá hạn là: 27.841.850 đồng)), theo HĐTD số: 8912-LAV-201802071 ngày 06/12/2018, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 05/12/2019 (*Có yêu cầu bổ sung thêm tiền lãi so với yêu cầu khởi kiện ban đầu, số liệu tính đến ngày xét xử sơ thẩm*).

- Yêu cầu chị Lê Thùy D phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc theo hai hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 05/01/2024 với mức lãi suất trong hạn là 11,5%/năm và lãi quá hạn là 17,25%/năm đến khi thi hành án xong.

- Yêu cầu chị Lê Thùy D tiếp tục thực hiện HĐTC số 77/2017- HĐTC ngày 07/12/2017 đã ký giữa Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh với chị D.

\* Ngân hàng không nhất trí với ý kiến của bà B đưa ra các lý do để không trả nợ cho ngân hàng.

- Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng mà ngân hàng chuyển vào tài khoản mang tên bà Lưu Thị Y vào ngày 30/7/2018, là xuất phát từ khoản vay theo HĐTD số: 8912- LAV-201801267 ngày 30/7/2018, mang tên người vay là ông Lê Thanh H. Do năm 2017, ngân hàng cho bà B, ông H vay khoản tiền 2.000.000.000 đồng (Hợp đồng tín dụng mang tên bà B), đến năm 2018, bà B có khoản nợ xấu, nên để tạo điều kiện cho gia đình bà B, ngân hàng đã thống nhất với bà B về việc đảo khoản nợ vay mang tên bà B (Năm 2017) sang thành khoản vay mang tên ông H, nhằm thay đổi mã khách hàng, bà B, ông H nhất trí. Nên ngày 30/7/2018, ông H và ngân hàng đã thực hiện ký HĐTD số: 8912- LAV-201801267 ngày 30/7/2018, với số tiền vay là 2.000.000.000 đồng để trả vào số tiền gốc 2.000.000.000 đồng mà bà B đang nợ ngân hàng, trên thực tế bà B không có tiền mặt để trả số tiền gốc 2.000.000.000 đồng, mà chỉ trả khoản tiền lãi là 18.273.973 đồng, số tiền 2.000.000.000 đồng trả vào khoản vay của bà B là sau khi làm xong thủ tục vay tiền cho ông H, theo yêu cầu của ông H, ngân hàng làm thủ tục giải ngân và chuyển tiền vào tài khoản của bà Lưu Thị Y, khi tiền đã chuyển vào tài khoản của bà Yên, thì ngân hàng có yêu cầu bà Yên lên làm thủ tục rút tiền mặt (chính là giấy rút tiền mặt mang tên bà Lưu Thị Y đề ngày 30/7/2018), sau khi bà Yên ký giấy và rút tiền mặt xong, thì ngân hàng đồng thời thu lại số tiền gốc 2.000.000.000 đồng

này, để trả vào khoản vay của bà B năm 2017, chứ không có việc bà Yến được nhận số tiền 2.000.000.000 đồng tiền mặt như bà B đang khởi kiện bà Yến. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này vẫn là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 78/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 đã ký giữa ngân hàng với bà B, ông H.

- Ngân hàng hoàn toàn nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, không có ý kiến gì.

- Tại phiên toà sơ thẩm ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Xin rút yêu cầu khởi kiện buộc ông H, bà B tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 78/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 đã ký giữa ngân hàng với bà Hà Thị B, ông Lê Thanh H.

+ Xin rút yêu cầu khởi kiện buộc chị D tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 77/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 đã ký giữa ngân hàng với chị D.

+ Không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với chi phí tố tụng là số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

- Bổ sung yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu bà Hà Thị B phải có nghĩa vụ cùng với ông H trả nợ cho ngân hàng số tiền mà ông H đang còn nợ theo HĐTD số: 8912-LAV-201801267 ngày 30/7/2018, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng giữa bên cho vay: Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh và bên vay: Ông Lê Thanh H.

**2. Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Thanh H và tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của ông H là bà Hà Thị B trình bày:**

2.1. Năm 2018, ông H có vay 2.000.000.000 đồng của Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh. Hai bên đã ký hợp đồng tín dụng số 8912-LAV-201801267 ngày 30/7/2018 với nội dung như Ngân hàng đã trình bày ở trên. Số tiền 2.000.000.000 đồng ông H vay được chuyển vào tài khoản của bà Lưu Thị Y. Tài sản bảo đảm cho khoản vay theo HĐTC số 78/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 đã ký kết giữa Ngân hàng với bà B và ông H.

Trước khi ông H vay khoản tiền tại hợp đồng tín dụng này, bà B có vay 2.000.000.000 đồng tại Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh theo HĐTD số 8912-NAV201702251 ngày 07/12/2017, tài sản thế chấp theo HĐTC số 78/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 nói trên. HĐTD do bà B đứng tên vay đã làm thủ tục tất toán để Ngân hàng thay đổi người đứng tên vay là ông H bằng hợp đồng tín dụng Ngân hàng đang khởi kiện, vì bà B đang bị báo là khách hàng nợ xấu, HĐTC số 78/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 được tiếp tục sử dụng để đảm bảo khoản vay tại hợp đồng tín dụng ông H đứng tên vay. Số tiền 2.000.000.000 đồng ông H vay đã trả 300.000.000 đồng tiền gốc theo phân kỳ trả nợ lần 1, lãi phát sinh đã trả đến hết ngày 30/7/2019. Đến nay, cả bà B và

ông H chỉ còn nợ ngân hàng số tiền 1.700.000.000 đồng gốc và lãi tại hợp đồng tín dụng số 8912-LAV-201801267 ngày 30/7/2018, ngoài ra không còn khoản nợ nào khác.

Bà B và ông H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng vì:

- Sau khi không trả nợ được cho ngân hàng, ông H, bà B có cam kết bán tài sản trả nợ cho ngân hàng nhưng do Ngân hàng đồng ý với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2019/QĐ-BPKCTT ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ về việc phong tỏa quyền sử dụng đất mà bà B và ông H đã thế chấp để ông H vay số tiền trên (*Được ban hành trong quá trình giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 119/2019/TLST-DS ngày 24/10/2019 do bà Lưu Thị Y khởi kiện bà B, ông H và chị D*), Tòa án không có thông báo yêu cầu ngân hàng giao nộp các tài liệu liên quan đến việc ông H, bà B vay tiền ngân hàng, nhưng bà Dung, bà Thủy đã tự ý giao nộp các tài liệu cho Tòa án, nên dẫn đến bà B và ông H không bán được tài sản để trả nợ. Sau khi bản án của bà Yến khởi kiện ông H, bà B đã có hiệu lực pháp luật thì tài sản này cũng đang bị Chi cục thi hành án thành phố Điện Biên Phủ phong tỏa, nên cũng không thể bán được tài sản.

- Trong đơn khởi kiện của bà Thủy còn có nhiều nội dung khuất tất như: Cung cấp tài liệu theo đơn khởi kiện chỉ có 06 loại, sau khi bà B đối chiếu lại thiếu 17 tài liệu, các tài liệu còn thiếu bà B đã giao nộp cho Tòa án, trong các tài liệu này có tài liệu thể hiện nội dung nếu ông H, bà B không bán được tài sản thế chấp thì giao cho ngân hàng xử lý tự bán tài sản đảm bảo. Tài liệu là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng bà Lưu Thị Y, ông Dương Tiến Đ và bên nhận chuyển nhượng bà Hà Thị B và ông Lê Thanh H số công chứng 3337 ngày 27/7/2018, là mục đích để ngân hàng cho ông H, bà B vay tiền.

- Bà B không nhất trí về 01 phần của Hợp đồng tín dụng số 8912-LAV-201801267 ngày 30/7/2018 đã ký giữa ngân hàng và bên vay là ông H. Vì trong hợp đồng này khi ký tại ngân hàng vào ngày 30/7/2018, ông H chỉ được ký vào mục đại diện bên B (là bên vay) mà không được ký vào phần người vay tại mục theo dõi phát triển vay và kỳ hạn trả nợ có đính kèm theo hợp đồng tín dụng, đến giữa tháng 9/2020 bà Thúy, phó giám đốc ngân hàng xuống đề nghị bà B cho chị D đưa bà Thúy vào gặp ông H tại khu Huổi Tum, bản Co M, xã Mường Đ, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên để ông H ký phần người vay tại mục theo dõi phát triển vay và kỳ hạn trả nợ có đính kèm theo hợp đồng tín dụng (Hai bản gốc), vì ngân hàng giữ 1 bản, ông H giữ 1 bản, tại thời điểm ông H ký chưa có chữ ký của người quản lý khu vực vay và người giao dịch viên.

- Trong việc xác định hiện trạng tài sản thế chấp trong HĐTC số 78/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 đã ký giữa ngân hàng với ông H, bà B so với hiện trạng thực tế không giống nhau vì: Tài sản thế chấp trong hợp đồng thế chấp là 01 ngôi nhà độc lập còn trên hiện trạng thực tế chỉ là một phần của ngôi nhà xưởng, cột sắt, lợp tôn, tường xây bao xung quanh, nhà xưởng cao khoảng 3m, phần còn lại là thung tôn, ngôi nhà xưởng nằm trên bốn thửa đất mang tên: Thửa thứ nhất: Lê Ngọc T, thửa thứ 2: Lê Thanh H, thửa thứ 3: Lê Thùy D, thửa thứ 4: Nguyễn Thị H1 (Tính

từ phía giáp ranh nhà ông Cảnh). Nguồn gốc ngôi nhà này do bà B, ông H, chị D và bà Hân cùng nhau góp tiền làm năm 2003. Nguồn gốc và hiện trạng tài sản được thể hiện rõ trong bản án dân sự sơ thẩm số 10/2016/DSST ngày 19/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và bản án phúc thẩm số 04/2016/DSPT ngày 21/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, trong các Bản án này đã thể hiện rõ hiện trạng về tài sản trên đất của ông H, bà B có từ trước khi ngân hàng tiến hành thẩm định tài sản vào năm 2017.

2.2. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H có đơn yêu cầu độc lập, ông yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

2.2.1. Yêu cầu bà Thào Thị D và bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông H số tiền lãi của khoản tiền gốc 1.700.000.000 đồng mà ông H đang nợ ngân hàng, với mức lãi suất 1,4375%/ tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 18/11/2019 đến ngày 12/01/2023 là 38 tháng, với số tiền là 928.625.000 đồng; Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Dung và bà Thủy không trả cho ông H khoản tiền trên, thì bà Dung và bà Thủy phải trả cho ông H với % lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi trả hết số tiền trên, do bà Dung và bà Thủy đã đồng ý với quyết định phong tỏa tài sản của Tòa án đối với tài sản của ông vào ngày 18/11/2019, trong vụ án dân sự thụ lý số 119/2019 ngày 24/10/2019 mà bà Yên khởi kiện tại tòa án, trong khi Tòa án không yêu cầu ngân hàng giao nộp các tài liệu liên quan đến việc vay tiền của ông với ngân hàng cho Tòa, nhưng bà Dung, bà Thủy đã tự ý giao nộp các tài liệu này, nên đã làm ảnh hưởng đến việc ông không bán được tài sản là thửa đất trên, để trả nợ cho ngân hàng. Ông yêu cầu bà Dung, bà Thủy mỗi người phải trả cho ông H số tiền là 464.312.000 đồng.

2.2.2. Yêu cầu bà Lưu Thị Y và ông Dương Tiến Đ phải trả cho ông H tổng số tiền là: 3.552.000.000 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 30/7/2018 đến ngày 30/01/2023 là: 2.000.000.000 đồng x 1,4375%/ tháng x 54 tháng = 1.552.000.000 đồng). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Yên, ông Đoàn không trả cho ông H khoản tiền trên, thì bà Yên, ông Đoàn phải trả cho ông H với % lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi trả hết số tiền trên.

Lý do ông yêu cầu bà Yên, ông Đoàn phải trả khoản tiền này là: Sau khi ông vay tiền ngân hàng vào ngày 30/7/2018, với số tiền vay là 2.000.000.000 đồng, thì ngân hàng đã căn cứ vào ủy nhiệm chi chuyển số tiền này vào tài khoản của bà Yên, việc tại sao ngân hàng căn cứ vào ủy nhiệm chi để chuyển 2.000.000.000 đồng vào tài khoản cho bà Yên, ông H không biết, nhưng ông H vẫn ký vào giấy ủy nhiệm chi, do khi ký ông H không đọc. Sau khi ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của bà Yên, do đang có nhầm lẫn trong các khoản vay của bà Yên với ngân hàng, nên sau khi đã vay xong tiền, mặc dù chưa nhận được tiền vay của ngân hàng, nhưng bà B và ông H cũng không có ý kiến gì mà vẫn trả lãi hàng tháng và số tiền gốc 300.000.000 đồng cho ngân hàng. Cho đến khi ngân hàng khởi kiện, bà B mới biết khoản tiền vay của gia đình bà tại ngân hàng vào năm 2018, mang tên ông H đã được chuyển vào tài khoản của bà Yên. Cho đến nay, bà Yên đã công nhận khoản tiền 2.000.000.000 đồng này (theo Ủy nhiệm chi năm 2018) đã được trừ vào khoản nợ của ông H, bà B, nhưng thực tế có khoản nợ 2018 -2019



đã bị bà Yên khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

**3. Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết, bị đơn chị Lê Thùy D và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của chị D là bà Hà Thị B trình bày:**

3.1. Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng yêu cầu chị D phải trả các khoản tiền vay theo HĐTD số: 8912- LAV-201702249 ngày 07/12/2017, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng đề ngày 06/12/2019, HĐTD số: 8912-LAV-201802071 ngày 06/12/2018, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng đề ngày 05/12/2019, yêu cầu chị D phải tiếp tục trả lãi theo các hợp đồng tín dụng trên và yêu cầu chị D tiếp tục thực hiện HĐTC số 77/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 đã ký giữa ngân hàng với chị D, chị D khẳng định có vay các khoản tiền này, tuy nhiên chị D và bà B không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng vì:

- Khi chị D không thực hiện được việc trả lãi cho ngân hàng, thì chị đã chủ động tìm khách để bán tài sản trả nợ cho ngân hàng, nhưng do bà Thủy, bà Dung đã đồng ý với quyết định phong tỏa tài sản của Tòa án đối với tài sản của chị D vào ngày 18/11/2019, trong vụ án dân sự thụ lý số 119/2019 ngày 24/10/2019 mà bà Yên khởi kiện bà B và chị D tại tòa án, mặc dù Tòa án không yêu cầu giao nộp các tài liệu liên quan đến việc vay tiền ngân hàng của chị D, bà B, nhưng bà Dung, bà Thủy đã tự ý giao nộp các tài liệu cho Tòa án, nên đã làm ảnh hưởng đến việc chị D không bán được tài sản để trả nợ cho ngân hàng. Sau khi bản án của bà Yên khởi kiện bà B, chị D đã có hiệu lực pháp luật, thì hiện nay tài sản này cũng đang bị Chi cục thi hành án thành phố Điện Biên Phủ phong tỏa nên cũng không thể bán được tài sản.

- Trong đơn khởi kiện của bà Thủy theo thông báo thụ lý số 34/TB-TLVA ngày 20/11/2020 còn có nhiều nội dung khuất tất như: Cung cấp tài liệu theo đơn khởi kiện chỉ có 16 loại. Sau khi bà B đối chiếu lại thiếu 09 tài liệu, các tài liệu còn thiếu bà B đã giao nộp cho Tòa án. Trong đơn khởi kiện của bà Thủy theo thông báo thụ lý số 46/TB-TLVA ngày 28/12/2020, cũng còn có nhiều nội dung khuất tất như: Cung cấp tài liệu theo đơn khởi kiện chỉ có 17 loại, sau khi bà B đối chiếu lại thiếu 09 loại, các tài liệu còn thiếu bà B đã giao nộp cho Tòa án. Trong các tài liệu này có tài liệu thể hiện nội dung nếu chị D không bán được tài sản thế chấp thì giao cho ngân hàng xử lý tự bán tài sản đảm bảo. Tài liệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bên chuyển nhượng ông Lưu Huy B, bà Nguyễn Thị T và bên nhận chuyển nhượng bà Lê Thùy D số công chứng 4913 ngày 04/12/2017, là mục đích để ngân hàng cho chị D vay tiền.

- Trong việc xác định hiện trạng tài sản thế chấp theo HĐTC số 77/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 đã ký giữa ngân hàng với chị D so với hiện trạng trên thực tế không giống nhau vì: Tài sản thể hiện trong hợp đồng thế chấp là ngôi nhà cấp IV độc lập, còn trên hiện trạng thực tế là một phần của ngôi nhà xưởng, cột sắt, lợp tôn, tường xây bao xung quanh, nhà xưởng cao khoảng 3m, phần còn lại là thung tôn, ngôi nhà nằm trên bốn thửa đất mang tên: Thửa thứ nhất: Lê Ngọc T,

thửa thứ 2: Lê Thanh H, thửa thứ 3: Lê Thùy D, thửa thứ 4: Nguyễn Thị H1 (Tính từ phía giáp ranh nhà ông Cảnh) và một phần ngôi nhà xây cấp IV, liên quan đến phần ngôi nhà cấp IV của bà Nguyễn Thị H1.

3.2. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị D có yêu cầu độc lập, những vấn đề cụ thể chị D yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

3.2.1. Yêu cầu bà Thảo Thị D và bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho chị D số tiền lãi của khoản tiền gốc 2.000.000.000 đồng mà chị D đã vay ngân hàng, với mức lãi suất 1,4375%/ tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 18/11/2019 đến ngày 18/03/2023 là 40 tháng, cụ thể:  $2.000.000.000 \text{ đồng} \times 1,4375\% / \text{tháng} \times 40 \text{ tháng} = 1.150.000.000 \text{ đồng}$ ; Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Dung và bà Thủy không trả cho chị D khoản tiền trên, thì bà Dung và bà Thủy phải trả cho chị D với % lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi trả hết số tiền trên. Vì: Bà Dung và bà Thủy đã đồng ý với quyết định phong tỏa tài sản của Tòa án đối với tài sản của chị vào ngày 18/11/2019, trong vụ án dân sự thụ lý số 119/2019 ngày 24/10/2019, bà Dung, bà Thủy đã tự ý giao nộp các tài liệu liên quan đến việc vay tiền của chị D tại ngân hàng cho Tòa án khi chưa có yêu cầu, làm ảnh hưởng đến việc chị không bán được tài sản để trả nợ cho ngân hàng. Chị D yêu cầu bà Thủy, bà Dung mỗi người phải trả cho chị D số tiền là: 575.000.000 đồng.

3.2.2. Yêu cầu ông Lưu Huy B, bà Nguyễn Thị T, bà Lưu Thị Y và ông Dương Tiến Đ phải trả cho chị D tổng số tiền là: 3.811.250.000 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 07/12/2017 đến ngày 07/3/2023 là:  $2.000.000.000 \text{ đồng} \times 1,4375\% / \text{tháng} \times 63 \text{ tháng} = 1.811.250.000 \text{ đồng}$ ). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Bích, bà Thọ, bà Yến, ông Đoàn không trả cho chị D khoản tiền trên, thì ông Bích, bà Thọ, bà Yến, ông Đoàn phải trả cho chị D với % lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi trả hết số tiền trên.

Vì: Trong hợp đồng vay tiền giữa chị D với ngân hàng vào năm 2017, với số tiền vay là 2.000.000.000 đồng, căn cứ vào ủy nhiệm chi ngày 07/12/2017, ngân hàng đã chuyển vào tài khoản của ông Bích số tiền 2.000.000.000 đồng, việc tại sao ngân hàng căn cứ vào ủy nhiệm chi, chuyển vào tài khoản của ông Bích số tiền 2.000.000.000 đồng, chị D không biết, nhưng chị D vẫn ký vào giấy ủy nhiệm chi, do khi ký chị không đọc. Sau khi ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của ông Bích, do đang có nhầm lẫn trong các khoản vay của bà Yến với ngân hàng, nên khi vay xong tiền ngân hàng, mặc dù chưa nhận được tiền vay của ngân hàng, nhưng chị D, bà B cũng không có ý kiến gì, sau đó bà B vẫn chấp hành trả lãi hàng tháng cho ngân hàng, ngày 05/12/2018 trả số tiền gốc 200.000.000 đồng, đến ngày 06/12/2018, chị D vay lại 200.000.000 đồng từ ngân hàng. Khi ngân hàng khởi kiện, chị D mới biết khoản tiền vay 2.000.000.000 đồng của chị D đã được chuyển vào tài khoản của ông Bích, nhưng bà Yến là người sử dụng khoản tiền này. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Yến đã có văn bản thừa nhận việc ngân hàng đã chuyển khoản số tiền 2.000.000.000 đồng vào tài khoản của ông Bích, nhưng sau đó đã được trừ nợ cho khoản vay mà chị D đã vay bà Yến, nên chị mới yêu cầu ông Lưu Huy B, bà Nguyễn Thị T, bà Lưu Thị Y và ông Dương Tiến Đ phải trả khoản tiền trên. Còn trên thực tế, chị D không vay tiền của bà Yến mà chỉ có bà B

vay tiền bà Yến và đã được tòa án giải quyết, chị không yêu cầu tính kỷ phần về nghĩa vụ trả nợ cho từng người đối với bà Yến, ông Đoàn, ông Bích và bà Thọ.

- Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hà Thị B xin rút một phần yêu cầu độc lập đối với yêu cầu bà Dung và bà Thuỷ cụ thể:

+ Xin rút yêu cầu buộc bà Thào Thị D và bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông Lê Thanh H số tiền lãi của khoản tiền gốc 1.700.000.000 đồng mà ông H đang nợ ngân hàng, với số tiền là 928.625.000 đồng và yêu cầu về tiếp tục tính lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Xin rút yêu cầu buộc bà Thào Thị D và bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho chị Lê Thùy D số tiền lãi của khoản tiền gốc 2.000.000.000 đồng mà chị D đang nợ ngân hàng, với số tiền là 1.150.000.000 đồng và yêu cầu về tiếp tục tính lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông H (Là bà B) và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H đều nhất trí trả khoản nợ cho ngân hàng theo HĐTD số: 8912- LAV-201801267 ngày 30/7/2018, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng giữa bên cho vay: Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ - Phòng giao dịch Mường Thanh và bên vay: Ông Lê Thanh H; Nhất trí trả lãi phát sinh trên số tiền gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại HĐTD nêu trên từ ngày 05/01/2024 đến khi thi hành án xong, cụ thể: Lãi suất trong hạn là 11.5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn là 17,25%/năm. Không nhất trí trả số tiền lãi phát sinh trên khoản tiền gốc từ ngày 18/11/2019 đến ngày 21/9/2020 với số tiền là: 212.059.730 đồng (Là thời gian tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời). Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của ông H đối với yêu liên quan đến bà Yến và ông Đoàn. Đề nghị miễn án phí dân sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông H, do ông H thuộc hộ nghèo.

+ Yêu cầu bổ sung thêm khoản tiền lãi trong yêu cầu độc lập của ông H đối với bà Yến và ông Đoàn đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 04/01/2024), cụ thể: Yêu cầu bà Lưu Thị Y và ông Dương Tiến Đ phải trả cho ông H tổng số tiền là: 3.874.332.136 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 30/7/2018 đến ngày 04/01/2024 là: 1.874.332.136 đồng).

- Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của chị D (Là bà B) và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị D đều nhất trí trả các khoản nợ cho ngân hàng theo HĐTD số: 8912- LAV-201702249 ngày 07/12/2017, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng đề ngày 06/12/2019, HĐTD số: 8912-LAV-201802071 ngày 06/12/2018, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 05/12/2019, giữa bên cho vay: Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh và bên vay: chị Lê Thùy D; Nhất trí trả lãi phát sinh trên số tiền gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại 02 HĐTD nêu trên từ ngày 05/01/2024 đến khi thi hành án xong, cụ thể: Lãi suất trong hạn là 11.5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn là 17,25%/năm. Không nhất trí trả số tiền lãi phát sinh trên khoản tiền gốc của hai hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 18/11/2019 đến ngày 21/9/2020 với số tiền là: 233.394.494 đồng, (Là thời gian tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời). Đề

ngợi Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của chị D đối với ông Bích, bà Thọ, ông Đoàn, bà Yến và miễn án phí dân sự và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho chị D, do chị D thuộc hộ nghèo.

+ Yêu cầu bổ sung thêm khoản tiền lãi trong yêu cầu độc lập của chị D đối với ông Bích, bà Thọ, bà Yến và ông Đoàn đến ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 04/01/2024), cụ thể: Yêu cầu ông Bích, bà Thọ, bà Yến và ông Đoàn phải trả cho chị D tổng số tiền là: 4.074.167.217 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 07/12/2017 đến ngày 04/01/2024 là: 2.074.167.217 đồng).

- Tại phiên tòa bà B không nhất trí với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ngân hàng yêu cầu bà B có nghĩa vụ cùng với ông H trả khoản nợ cho ngân hàng theo HĐTD số: 8912- LAV-201801267 ngày 30/7/2018, vì bà cho rằng đây là khoản nợ riêng của ông H, không nhất trí với việc ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông H và chị D tiếp tục thực hiện HĐTC số 77 và HĐTC số 78.

Không nhất trí với ý kiến của ngân hàng về việc ngân hàng cho rằng: Nguồn gốc số tiền 2.000.000.000 đồng tất toán khoản vay của bà B đang nợ ngân hàng từ năm 2017, chính là khoản tiền 2.000.000.000 đồng ngân hàng đã cho ông H vay vào ngày 30/7/2018, đã được chuyển vào tài khoản của bà Yến theo ủy nhiệm chi ngày 30/7/2018 mà ông H đã ký, còn bà B chỉ nộp số tiền mặt là 18.273.973 đồng. Bà B khẳng định vào ngày 30/7/2018 bà B có nộp vào ngân hàng tổng số tiền mặt là: 2.018.273.973 đồng theo chứng từ giao dịch ngày 30/7/2028 và bảng kê các loại tiền nộp giữa người nộp tiền là bà B với ngân hàng. Nguồn gốc số tiền mặt mà bà B nộp vào ngân hàng để trả khoản nợ của bà ở ngân hàng vào năm 2017 là do bà B vay của anh Vũ Vương Hoàn có địa chỉ tại: Tổ dân phố 4, thị trấn Mường Ảng, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên vào ngày 29/7/2018.

#### **4. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**4.1. Ý kiến của bà Yến (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn, ông Bích, bà Thọ):**

- Đối với yêu cầu của chị D yêu cầu ông Lưu Huy B, bà Nguyễn Thị T, bà Lưu Thị Y và ông Dương Tiến Đ phải trả cho chị D tổng số tiền là: 3.811.250.000 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 07/12/2017 đến ngày 07/3/2023 là: 2.000.000.000 đồng x 1,4375%/ tháng x 63 tháng = 1.811.250.000 đồng). Bà Yến hoàn toàn không đồng ý trả vì những lý do sau:

Theo ủy nhiệm chi ngày 07/12/2017, số tiền 2.000.000.000 đồng mà ngân hàng chuyển vào tài khoản của ông Bích, chính là khoản tiền mà chị D vay ngân hàng vào ngày 07/12/2017. Lý do ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của ông Bích là do trước khi chị D vay tiền ngân hàng, ông Bích, bà Thọ và chị D đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa người chuyển nhượng là Ông Lưu Huy B, bà Nguyễn Thị T với người nhận chuyển nhượng là chị Lê Thùy D, số công chứng: 4913/2017. Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2017, mục đích để chứng minh mục đích vay tiền ngân hàng của chị D. Sau khi ngân

hàng chuyển tiền vào tài khoản của ông Bích thì bà B và ông Bích là người trực tiếp cùng rút tiền mặt tại ngân hàng, sau khi rút số tiền trên mang về nhà bà B, thì bà B là người trực tiếp nhận số tiền 2.000.000.000 đồng từ ông Bích và bà B đã trực tiếp trả cho bà Yến số tiền 2.000.000.000 đồng mà bà B đang nợ bà Yến. Việc bà B tự nguyện trả nợ cho bà Yến đã được chính bà B thừa nhận trong đơn trình báo ngày 20/10/2019 gửi chủ tịch UBND phường N và công an Phường N và tại các Bản án mà bà Yến đã cung cấp cho Tòa án.

- Đối với ông H yêu cầu bà Yến và ông Đoàn phải trả cho ông H tổng số tiền là: 3.552.000.000 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 30/7/2018 đến ngày 30/01/2023 là: 2.000.000.000 đồng x 1,4375%/ tháng x 54 tháng = 1.552.000.000 đồng). Bà Yến hoàn toàn không đồng ý trả vì những lý do sau: Ông H đang căn cứ vào ủy nhiệm chi ngày 30/7/2018, theo ủy nhiệm chi này, trong ngày 30/7/2018 ngân hàng đã chuyển tiền vào tài khoản của bà Yến số tiền 2.000.000.000 đồng (Là khoản vay ngân hàng của ông H), bà Yến cho rằng bà không được nhận khoản tiền 2.000.000.000 đồng này, tại sao ngân hàng chuyển vào số tài khoản của bà Yến, việc chuyển tiền và rút tiền giữa ngân hàng với ông H, bà không hề biết, tại sao trong ủy nhiệm chi ngày 30/7/2018 thể hiện ông H chuyển tiền cho bà, bà cũng không biết.

Tại đơn đề nghị ngày 17/02/2021, bà Yến có trình bày về khoản tiền 2.000.000.000 đồng nhận vào ngày 30/7/2018 là dùng để trừ nợ khoản tiền bà B, ông H vay bà Yến, ông Đoàn từ năm 2017, nội dung này là do bà Yến đang bị nhầm lẫn với khoản vay 2.000.000.000 đồng mà bà B trả nợ bà vào năm 2017 chứ không phải là năm 2018, còn khoản tiền 2.000.000.000 đồng ngân hàng chuyển vào tài khoản của bà theo ủy nhiệm chi vào ngày 30/7/2018, bà không biết gì về khoản tiền này.

**4.2. Ý kiến của bà Thào Thị D:** Bà Dung không nhất trí với yêu cầu độc lập của ông H yêu cầu bà Dung phải trả cho ông H số tiền lãi của khoản tiền gốc 1.700.000.000 đồng mà ông H đang nợ ngân hàng là 464.312.000 đồng, đồng thời không nhất trí với yêu cầu của chị D yêu cầu bà Dung phải trả cho chị D số tiền lãi của khoản tiền gốc 2.000.000.000 đồng mà chị D đã vay ngân hàng với số tiền là 575.000.000 đồng, cũng như các yêu cầu phải trả tiền lãi của khoản tiền trên, với % lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi trả hết số tiền trên.

**4.3. Ý kiến của bà Nguyễn Thị T1:** Bà Thủy không nhất trí với yêu cầu độc lập của ông H yêu cầu bà Thủy phải trả cho ông H số tiền lãi của khoản tiền gốc 1.700.000.000 đồng mà ông H đang nợ ngân hàng là 464.312.000 đồng, đồng thời không nhất trí với yêu cầu của chị D yêu cầu bà Thủy phải trả cho chị D số tiền lãi của khoản tiền gốc 2.000.000.000 đồng mà chị D đã vay ngân hàng với số tiền là 575.000.000 đồng, cũng như các yêu cầu phải trả tiền lãi của khoản tiền trên, với % lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi trả hết số tiền trên.

- Ngày 30/7/2018, ngân hàng có tất toán khoản vay mang tên của bà Hà Thị B với số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng, khoản tiền gốc này bà B đang nợ ngân hàng thông qua hợp đồng tín dụng số 8912- LAV-201702251 ngày 07/12/2017,

bằng chứng từ giao dịch ngày 30/7/2018 thì ngân hàng có thu bằng tiền mặt, nhưng số tiền gốc 2.000.000.000 đồng tiền mặt mà ngân hàng thu, là tiền từ khoản vay mà ngân hàng đã giải ngân cho ông Lê Thanh H (CH bà B) vay cũng trong ngày 30/7/2018 thông qua HĐTD số: 8912- LAV-201801267 ngày 30/7/2018.

**4.5. Ý kiến của bà Hà Thị B:** Bà B đồng ý với ý kiến của ông H, chị D cũng như bà B đã trình bày ý kiến ở trên. Không đồng ý với yêu cầu của ngân hàng về việc yêu cầu bà B phải có nghĩa vụ liên đới cùng với ông H chịu nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo hợp theo HĐTD số: 8912- LAV-201801267 ngày 30/7/2018, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng giữa bên cho vay: Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh và bên vay: Ông Lê Thanh H.

Trong đơn trình báo ngày 20/10/2019 gửi chủ tịch UBND phường N và công an Phường N và trong các bản ảnh bà B gửi cho Tòa án có nội dung thể hiện bà B đã trả nợ cho bà Yến năm 2017 với số tiền 04 tỷ đồng, là do bà Yến là người lọc lừa, lừa dối bà B nhiều lần, nên khi làm đơn gửi công an cũng như khi đi in các chữ trên các tấm ảnh, bà B cố tình vu khống bà Yến, chứ thực tế không có việc năm 2017 bà B trả nợ cho bà Yến số tiền 04 tỷ đồng mà bà B và chị D vay ở ngân hàng.

**4.6. Ý kiến của bà Nguyễn Thị H1 và người đại diện theo ủy quyền của bà Hân là bà Hà Thị B:**

Bà Hân đã được thông báo về việc Tòa án đang giải quyết việc ngân hàng khởi kiện gia đình bà B, bà Hân có ý kiến như sau: Nếu trong trường hợp gia đình ông H, bà B không có tiền trả cho ngân hàng, mà tài sản của ông H, bà B phải xử lý thu hồi tài sản hoặc phát mại, thì đề nghị thông báo cho bà Hân biết, để bà trực tiếp tham gia, tránh việc gây thiệt hại về kinh tế, quyền và lợi ích hợp pháp cho bà vì: Tài sản trên 04 thửa đất là do bà Hân cùng bà B, ông H, chị D góp vốn xây dựng nhà kho xưởng từ tháng 9/2003, phần tài sản gia đình ông Vượng xây thêm gồm: Nhà bảo vệ và nhà kho chứa hàng thực phẩm theo bản án số 04/2016 ngày 21/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, 04 chúng tôi cho đến nay chưa được cơ quan pháp luật giải quyết, phân chia rõ ràng cho từng người, chúng tôi vẫn giữ nguyên hiện trạng, hiện nay phần tài sản thuộc tôi quản lý cụ thể là nhà cấp 4, chiều ngang mặt đường là 5,4m, chiều sâu 12,6m, tổng là 68m<sup>2</sup>, còn lại 96,9m<sup>2</sup> ở phần đuôi, tài sản của tôi là 1/4 nhà kho xưởng.

Ý kiến của bà B: Khi xử lý tài sản thế chấp của bà Dung không làm ảnh hưởng đến tài sản của bà Hân. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và xác định hiện trạng thực tế các thửa đất và các tài sản trên đất, bà B (Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông H, chị D, bà Hân) đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hoàn toàn nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ.

## **5. Ý kiến của người làm chứng:**

### **5.1. Ý kiến của bà Lò Thị T2:**

Năm 2017 bà Tân làm cán bộ tín dụng tại phòng giao dịch Mường Thanh thuộc chi nhánh Agribank thành phố Điện Biên Phủ. Ngày 07/12/2017 bà Tân cùng Ban lãnh đạo phòng giao dịch Mường Thanh và khách hàng đã thẩm định tài sản của ông Lê Thanh H, bà Hà Thị B và bà Lê Thùy D (thể hiện trên biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm và hợp đồng thế chấp QSDĐ và tài sản gắn liền với đất) để vay tiền ngân hàng; tổng số tiền cho vay theo 02 hợp đồng tín dụng là 04 tỷ đồng. Sau khi được Ngân hàng cho vay số tiền trên, ông H, bà B, chị D thường xuyên chấp hành đúng về việc trả lãi và số tiền đến hạn trả nợ gốc kỳ đầu. Sau một thời gian, bà Tân đến kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay thì thấy gia đình ông H, bà B, chị D đã treo biển bán đất (là tài sản bảo đảm) và đề nghị Phòng giao dịch Mường Thanh phối hợp với gia đình tìm kiếm khách hàng bán tài sản để trả nợ cho Ngân hàng. Ngày 18/11/2019 TAND thành phố Điện Biên Phủ ban hành Quyết định số 09/2019 về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản của ông Lê Thanh H, bà Hà Thị B và chị Lê Thùy D đang thế chấp vay tiền tại phòng giao dịch Mường Thanh. Căn cứ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và phong tỏa tài sản của Tòa án và các quyết định của Chi cục Thi hành án thành phố Điện Biên Phủ không cho gia đình ông H, bà B, chị D bán tài sản để lấy tiền trả nợ Ngân hàng, càng làm khó khăn thêm trong việc tìm kiếm khách hàng mua bán tài sản và trả số tiền nợ gốc và lãi của ông H, bà B, chị D không trả đúng hạn. Ngân hàng đã ra thông báo đòi nợ nhiều lần, do ông H, bà B, chị D không bán được tài sản trả nợ cho Ngân hàng. Sau đó ngân hàng đã khởi kiện ông H, bà B và chị D ra Tòa án để thu hồi nợ. Việc ngân hàng thẩm định tài sản của khách hàng vay vốn tại thời điểm đó đủ điều kiện, đúng quy định của Ngân hàng và đúng quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

### ***5.2. Ý kiến của chị Đinh Thị H V:***

Năm 2017, 2018 tôi là giao dịch viên của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh. Ngày 30/7/2018, ngân hàng có tất toán khoản vay mang tên của bà Hà Thị B với số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng, khoản tiền gốc này bà B đang nợ ngân hàng thông qua hợp đồng tín dụng số 8912- LAV-201702251, ngày 07/12/2017. Bằng chứng từ giao dịch ngày 30/7/2018, thì ngân hàng có thu bằng tiền mặt, nhưng số tiền gốc 2.000.000.000 đồng tiền mặt mà ngân hàng thu, là từ khoản vay mà ngân hàng đã giải ngân cho ông Lê Thanh H (CH bà Hà Thị B) vay cũng trong ngày 30/7/2018, thông qua hợp đồng tín dụng số: 8912- LAV-201801267 ngày 30/7/2018, số tiền 2.000.000.000 đồng này được rút từ tài khoản của bà Yên (chính là giấy rút tiền mặt mang tên bà Lưu Thị Y đề ngày 30/7/2018), còn số tiền lãi của khoản tiền gốc 2.000.000.000 đồng, đến ngày tất toán là 18.273.973 đồng, số tiền này là tiền mặt của bà B nộp vào. Bản thân tôi khi đó là giao dịch viên và trực tiếp hạch toán, bút toán giao dịch này, nên tôi khẳng định: Bà B chỉ nộp số tiền mặt là tiền lãi, với số tiền 18.273.973 đồng, còn số tiền gốc 2.000.000.000 đồng, ngân hàng có thu tiền mặt, nhưng nguồn tiền 2.000.000.000 đồng được rút từ tài khoản của bà Lưu Thị Y, nên trên chứng từ giao dịch ngày

30/7/2018 mới thể hiện nội dung phương thức thanh toán: “Tiền mặt”, với số tiền 2.018.273.973 đồng. Đối với bảng kê các loại tiền, tôi là người lập và đưa cho bà B ký, các loại tiền trên bảng kê này chỉ có số tiền lãi 18.273.973 đồng là phù hợp với các loại tiền mà bà B nộp tại ngân hàng ngày hôm đó, còn khoản tiền gốc 2.000.000.000 đồng tôi kê trên bảng kê các loại tiền mà bà B ký, được kê trên cơ sở bảng kê chi các loại tiền theo giấy rút số tiền 2.000.000.000 đồng của bà Lưu Thị Y.

**6. Ý kiến của anh Vương Đình Hoàn:** Anh Hoàn và gia đình bà B là chỗ quen biết, làm ăn lâu năm với nhau, tháng 7/2018 bà B có nói bà B đang khó khăn, cần tiền trả nợ ngân hàng và lo chi phí kiện tụng trong vụ án nào đó, cụ thể như thế nào anh Hoàn không biết và có nhờ anh Hoàn cho bà B vay tiền, anh Hoàn đã đồng ý cho bà B vay với số tiền là 2.100.000.000 đồng với thời hạn vay từ 03 đến 05 năm, với lãi suất là 1,5%/ tháng, cho đến thời điểm hiện tại, bà B vẫn chưa trả số tiền gốc và tiền lãi cho anh, trong quá trình giải quyết vụ án, nếu có liên quan đến việc vay nợ giữa anh và bà B thì đề nghị tòa án căn cứ vào nội dung đơn của anh để giải quyết, anh Hoàn từ chối tham gia vào vụ án dân sự này.

**7. Ngày 21/6/2023, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và xác định hiện trạng thực tế các thửa đất và các tài sản trên đất, kết quả như sau:**

- Tài sản trên 04 thửa đất gồm: Thửa thứ nhất mang tên: Lê Ngọc T, thửa thứ 2 mang tên: Lê Thanh H, thửa thứ 3 mang tên: Lê Thùy D, thửa thứ 4 mang tên: Nguyễn Thị H1 (Tính từ phía giáp ranh nhà ông Cảnh), có một ngôi nhà xưởng, cột sắt, lợp tôn, tường xây bao xung quanh, nhà xưởng cao khoảng 3m, phần còn lại là thung tôn. Trong thửa đất tại vị trí thửa ba (Của chị D) và thửa tư (Của bà Hân) có một phần diện tích được ngăn ra làm phòng riêng có trần, trong phòng có lát nền gạch hoa, công trình phụ khép kín.

+ Trên phần đất của ông H thể hiện: Trên diện tích đất 158,5m<sup>2</sup> có một phần nhà xưởng, lợp mái tôn, có kết cấu chịu lực bằng sắt có diện tích: 126,7m<sup>2</sup>, diện tích đất không có nhà: 31,8m<sup>2</sup>.

+ Trên phần đất của chị D thể hiện: Diện tích đất: 157,5m<sup>2</sup>, diện tích đất có phần nhà xưởng, lợp mái tôn, có kết cấu chịu lực bằng sắt, có một phần xây bằng gạch là: 126,9m<sup>2</sup> (Trong diện tích nhà xưởng này có một phần diện tích nhà xây cấp IV là: 11,0m<sup>2</sup>; còn lại 115,9m<sup>2</sup> là có kết cấu chịu lực bằng cột sắt, mái lợp tôn), diện tích đất có nhà bán mái là: 10,3m<sup>2</sup>, diện tích mái lợp tôn: 3,7m<sup>2</sup>, diện tích đất không có nhà: 16,6m<sup>2</sup>.

**8. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên quyết định:**

Căn cứ vào khoản 3, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 42, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;



Căn cứ Điều 137, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, khoản 1 và 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 27, Điều 37 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Agribank đối với ông Lê Thanh H và bà Hà Thị B, cụ thể như sau:

1.1. Ông Lê Thanh H và bà Hà Thị B phải trả cho Agribank thông qua Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh tổng số tiền gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 04/01/2024 là: **2.761.399.589** đồng (Trong đó: Nợ gốc là: 1.700.000.000 đồng; Nợ lãi tính từ ngày 31/7/2019 đến hết ngày 04/01/2024 là 1.061.399.589 đồng, (trong đó: Lãi trong hạn là: 818.743.288 đồng; Lãi quá hạn: 242.656.301 đồng)), theo HĐTD số: 8912- LAV-201801267 ngày 30/7/2018, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng giữa bên cho vay: Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ - Phòng giao dịch Mường Thanh và bên vay: Ông Lê Thanh H.

1.2. Ông Lê Thanh H và bà Hà Thị B phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 8912- LAV-201801267 ngày 30/7/2018, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng giữa bên cho vay: Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ - Phòng giao dịch Mường Thanh và bên vay: Ông Lê Thanh H từ ngày 05/01/2024 đến khi thi hành án xong, cụ thể: Lãi suất trong hạn là 11.5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn là 17,25%/năm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Agribank đối với chị Lê Thùy D, cụ thể như sau:

2.1. Chị Lê Thùy D phải trả cho Agribank thông qua Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh tổng số tiền tính đến ngày 04/01/2024 là: **3.053.626.027** đồng (Trong đó: Nợ gốc là: 1.800.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 04/01/2024 là: 1.253.626.027 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn: 935.186.301 đồng, lãi quá hạn: 318.439.726 đồng)), theo HĐTD số: 8912- LAV-201702249 ngày 07/12/2017, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng đề ngày 06/12/2019 giữa bên cho vay: Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ - Phòng giao dịch Mường Thanh và bên vay chị Lê Thùy D.

2.2. Chị Lê Thùy D phải trả cho Agribank thông qua Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh tổng số tiền tính đến ngày 04/01/2024 là: **326.054.179** đồng (Trong đó: Nợ gốc là: 200.000.000 đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 04/01/2024 là 126.054.179 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là: 98.112.329 đồng; Lãi quá hạn là: 27.841.850 đồng)), theo HĐTD số: 8912-

LAV-2018 02071 ngày 06/12/2018, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 05/12/2019 giữa bên cho vay: Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ - Phòng giao dịch Mường Thanh và bên vay chị Lê Thùy D.

2.3. Chị Lê Thùy D phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại HĐTD số: 8912- LAV-201702249 ngày 07/12/2017, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 06/12/2019, HĐTD số: 8912-LAV-2018 02071 ngày 06/12/2018, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 05/12/2019, giữa bên cho vay: Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ - Phòng giao dịch Mường Thanh và bên vay: Chị Lê Thùy D từ ngày 05/01/2024 đến khi thi hành án xong, cụ thể: Lãi suất trong hạn là 11.5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn là 17,25%/năm.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Thanh H yêu cầu bà Lưu Thị Y và ông Dương Tiến Đ phải trả cho ông H tổng số tiền là: 3.874.332.136 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 30/7/2018 đến ngày 04/01/2024 là: 1.874.332.136 đồng). Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của ông H đối với các khoản tiền này sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Lê Thùy D yêu cầu ông Lưu Huy B, bà Nguyễn Thị T, bà Lưu Thị Y và ông Dương Tiến Đ phải trả cho chị D tổng số tiền là: 4.074.167.217 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 07/12/2017 đến ngày 04/01/2024 là: 2.074.167.217 đồng). Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của chị D đối với khoản tiền này sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Agribank về việc: Yêu cầu ông Lê Thanh H và bà Hà Thị B tiếp tục thực hiện HĐTC số 78/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 đã ký giữa Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh với ông Lê Thanh H, bà Hà Thị B.

6. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Agribank về việc: Yêu cầu chị Lê Thùy D tiếp tục thực hiện HĐTC số 77/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 đã ký giữa Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh với chị Lê Thùy D.

7. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lê Thanh H đối với bà Thào Thị D và bà Lê Thị Thủy với tổng số tiền là 928.625.000 đồng (Bà Dung là 464.312.000 đồng, bà Thủy là 464.312.000 đồng).

8. Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Lê Thùy D đối với bà Thào Thị D và bà Lê Thị Thủy với tổng số tiền là 1.150.000.000 đồng (Bà Dung là 575.000.000 đồng, bà Thủy là 575.000.000 đồng).

9. Về chi phí tố tụng: Do Agribank không yêu cầu giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

10. Án phí: Áp dụng Điều 147/BLTTDS, điểm đ Điều 12, nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, ông

H, bà B, chị D đều thuộc hộ nghèo, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh 35.002.600 đồng (*Ba mươi lăm triệu không trăm linh hai nghìn sáu trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000303 ngày 06/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Trả lại cho Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ 36.866.542 đồng (*Ba mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi hai đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000395 ngày 17/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Trả lại cho Agribank Việt Nam số tiền 5.707.500 đồng (*Năm triệu, B trăm linh B nghìn, năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp theo biên lai số AA/2020/0000437 ngày 25/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự và việc thi hành án dân sự.

\* Ngày 18/01/2024, TAND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nhận được đơn kháng cáo đề ngày 17/01/2024 của ông Lê Thanh H, bà Lê Thùy D, bà Hà Thị B với nội dung kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 01/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

*Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo của ông H, bà B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:*

1. Không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên ông Lê Thanh H và bà Hà Thị B phải trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

2. Không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên ông Lê Thanh H và bà Hà Thị B phải tiếp tục trả lãi phát sinh số tiền gốc theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 8912 – LAV – 201801267 ngày 30/7/2018.

3. Không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Thanh H yêu cầu bà Lê Thị yển và ông Dương Tiến Đ phải trả cho ông H tổng số tiền là 3.874.332.136 đồng (trong đó: Tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 30/7/2018 đến ngày 04/01/2024 là: 1.874.332.136 đồng). Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của ông H đối với các khoản tiền này sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Agribank về việc: Yêu cầu ông Lê Thanh H và bà Hà Thị B tiếp tục thực hiện HĐTD số 78/2017/HĐTD ngày 07/12/2017 đã ký giữa Agribank chi nhánh

thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh với ông Lê Thanh H, bà Hà Thị B.

*Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo của bà Dung yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:*

1. Không đồng ý việc Toà án cấp sơ thẩm tuyên bà Lê Thùy D phải trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

2. Không đồng ý việc Toà án cấp sơ thẩm tuyên bà Lê Thùy D phải tiếp tục trả lãi phát sinh số tiền gốc theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 8912 – LAV – 201702249 ngày 07/12/2017.

3. Không đồng ý việc Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thùy D yêu cầu ông Lưu Huy B, bà Nguyễn Thị T, bà Lưu Thị Y và ông Dương Tiên Đ phải trả cho bà Dung tổng số tiền là 4.074.167.217 đồng.

4. Không đồng ý việc Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Agribank về việc: Yêu cầu bà Lê Thùy D tiếp tục thực hiện HĐTD số 77/2017/HĐTD ngày 07/12/2017 đã ký giữa Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh với bà Lê Thùy D.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm và tại phiên tòa bà Hà Thị B giữ nguyên nội dung kháng cáo. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thoả thuận được với nhau.

**\* Tại phần tranh tụng trong phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu quan điểm:**

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử phúc thẩm: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS về phiên tòa phúc thẩm: Thành phần HĐXX đúng quy định tại Điều 64 BLTTDS; các thành viên HĐXX có mặt tại phiên tòa và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi theo quy định tại Điều 52 BLTTDS. Việc chuẩn bị khai mạc phiên tòa và thủ tục bắt đầu phiên tòa được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 297 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 BLTTDS.

- Kháng cáo của các bị đơn Lê Thanh H, Lê Thùy D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hà Thị B là đúng thời hạn quy định tại Điều 273 BLTTDS và có đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 272 BLTTDS.

Xét thấy:

- Việc ký kết hợp đồng vay tiền giữa ngân hàng và ông H, chị D được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật về cả nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao dịch có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đã cam kết. Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền cho vay theo hợp đồng, nên đến thời

hạn thì ông H, bà B và chị D phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo đúng cam kết. Việc bà B không đúng tên vay trong hợp đồng nhưng tòa án vẫn buộc bà có trách nhiệm liên đới cùng ông H trả nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình vì từ khi ông H vay tiền ngân hàng, cho đến ngày xét xử ông H và bà B vẫn là vợ chồng, tại phiên tòa bà B cũng thừa nhận việc bà trực tiếp đứng ra trả tiền gốc và lãi của khoản vay trên. Mặt khác để vay được ngân hàng cả hai ông bà đã dùng tài sản chung của vợ chồng để bảo đảm cho khoản vay. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Việc ngân hàng giải ngân 2 tỷ ông H vay vào tài khoản của bà Yến là do ông H có ủy nhiệm chi (bút lục số: 253). Đây là việc thống nhất, thỏa thuận giữa ông H với bà Yến, không liên quan đến trách nhiệm của Ngân hàng. Mặt khác Sau khi Ngân hàng chuyển tiền cho bà Yến, thì bà B, ông H vẫn chấp nhận trả một phần gốc và lãi cho ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Việc Ngân hàng giải ngân vào tài khoản của ông Bích là do chị D ủy nhiệm chi. Đây là việc thống nhất, thỏa thuận giữa các đương sự, không liên quan đến trách nhiệm của Ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng tự nguyện rút yêu cầu ông H, bà B, chị D tiếp tục thực hiện các hợp đồng thế chấp số 77 và 78 nên HĐXX cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết nội dung này là có căn cứ. Vì việc rút yêu cầu này không trái với quy định của pháp luật, không làm thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và trợ giúp pháp lý của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị HĐXX tạm đình chỉ đối với vụ án để chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra giải quyết tố giác tội phạm. Xét thấy, vụ án trong quá trình giải quyết từ giai đoạn sơ thẩm đến phiên tòa phúc thẩm này không có dấu hiệu tội phạm, các căn cứ đưa ra không đảm bảo quy định của pháp luật về tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX không chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên VKS xét thấy kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 04/01/2024 của TAND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Về án phí phúc thẩm: Đề nghị TAND tỉnh Điện Biên giải quyết theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

### [1] Về tố tụng:

[1.1]. Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà B, đại diện Ngân hàng Agribank, ông Phương, bà Huyền có mặt tại phiên tòa; Chị D, ông H, chị Hân, bà Dung, bà Thủy vắng mặt có lý do. Bà Yến, ông Đoàn, ông Bích, bà Thọ, anh Tân, bà Nhung, vắng mặt không có lý do đều được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự có tên nêu trên.

[1.2]. Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của bị đơn đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, kiện đòi tài sản và tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*", các bị đơn cùng có địa chỉ tại thành phố Điện Biên Phủ, các quan hệ tranh chấp cũng thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, được quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ đã thụ lý, giải quyết vụ án là xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng thẩm quyền.

[1.3]. Xét về thủ tục kháng cáo, nội dung đơn kháng cáo của ông Lê Thanh H, bà Lê Thùy D, bà Hà Thị B:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/01/2024, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nhận được đơn kháng cáo đề ngày 17/01/2024 của ông Lê Thanh H, chị Lê Thùy D, bà Hà Thị B với nội dung kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 01/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; Như vậy đơn kháng cáo của ông H, chị D, bà B trong thời hạn luật định, nội dung đơn đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 272 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đơn kháng cáo hợp lệ theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

### [2]. Về nội dung vụ án và kháng cáo của ông Lê Thanh H, chị Lê Thùy D, bà Hà Thị B thấy rằng:

[2.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng với ông Lê Thanh H và chị Lê Thùy D.

[2.1.1]. Đối với yêu cầu trả nợ gốc và lãi của ngân hàng đối với ông Lê Thanh H theo HĐTD số 8912-LAV-201801267, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng giữa bên cho vay: Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mừng Thanh và bên vay ông Lê Thanh H, HĐXX thấy rằng:

Ngày 30/7/2018, ông H ký hợp đồng tín dụng số 8912-LAV-201801267 với Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh, thời hạn vay là 03 năm, ông H đã trả 300.000.000 đồng tiền gốc theo phân kỳ trả nợ gốc lần 1 ngày 30/7/2019 và đã trả lãi phát sinh đến hết ngày 30/7/2019. Ngày 27/9/2019 các bên ký văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng với nội dung thay đổi lãi vay trả vào ngày 30/7 hàng năm. Mức lãi xuất trong hạn 11,5%/năm; lãi xuất quá hạn 17,25%/năm. Đến phân kỳ trả nợ gốc 500.000.000 đồng và lãi lần hai ngày 30/07/2020, ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và đề nghị Ngân hàng cơ cấu lại việc trả nợ đến hạn, nhưng Ngân hàng không đồng ý. Tính từ ngày 31/7/2019 đến ngày 04/01/2024, thì ông H còn nợ ngân hàng tổng số tiền là **2.761.399.589** đồng (Trong đó: Nợ gốc là: 1.700.000.000 đồng; Nợ lãi tính từ ngày 31/7/2019 đến hết ngày 04/01/2024 là 1.061.399.589 đồng, (trong đó: Lãi trong hạn là: 818.743.288 đồng; Lãi quá hạn: 242.656.301 đồng).

[2.1.2]. Đối với yêu cầu trả nợ gốc và lãi của ngân hàng đối với chị Lê Thùy D theo HĐTD số: 8912- LAV-201702249 ngày 07/12/2017, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 06/12/2019; HĐTD số 8912-LAV201802071 ngày 06/12/2018, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 05/12/2019 giữa bên cho vay: Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh với bên vay chị Lê Thùy D, HĐXX thấy rằng:

Ngày 07/12/2017, tại HĐTD số 8912- LAV-201702249, chị D đã vay ngân hàng số tiền là 2.000.000.000 đồng, đến hạn trả nợ theo phân kỳ, chị D đã trả được 200.000.000 đồng vào ngày 05/12/2018, thì đến ngày 06/12/2018, chị D lại đề nghị ngân hàng cho vay lại khoản vay 200.000.000 đồng. Ngân hàng đồng ý nên đã ký hợp đồng tín dụng số 8912-LAV201802071 ngày 06/12/2018 cho chị D vay lại khoản tiền 200.000.000 đồng. Với mức lãi suất của cả hai hợp đồng tín dụng này là: Lãi suất trong hạn 11,5%/năm; lãi xuất quá hạn 17,25%/năm. Từ tháng 10/2019 chị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Cho đến ngày 04/01/2024, theo HĐTD số: 8912- LAV-201702249 ngày 07/12/2017, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 06/12/2019 thì chị D còn nợ ngân hàng số tiền là: **3.053.626.027** đồng (Trong đó: Nợ gốc là: 1.800.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 04/01/2024 là: 1.253.626.027 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn: 935.186.301 đồng, lãi quá hạn: 318.439.726 đồng)) và theo HĐTD số: 8912-LAV-2018 02071 ngày 06/12/2018, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 05/12/2019, thì chị D còn nợ ngân hàng số tiền là **326.054.179** đồng. (Trong đó: Nợ gốc là: 200.000.000 đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 04/01/2024 là 126.054.179 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là: 98.112.329 đồng; Lãi quá hạn là: 27.841.850 đồng).

**HĐXX Xét thấy:** Các hợp đồng tín dụng trên đã được ký kết giữa Ngân hàng với ông H, chị D trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức của hợp đồng nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã được ký kết. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm và tại phiên tòa chị D, ông H, bà B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, chị D,



bà B đều khẳng định có việc vay ngân hàng, trên tinh thần tự nguyện theo các hợp đồng tín dụng đã ký vào năm 2017, 2018 nêu trên và đã trả một phần khoản nợ, và trả lãi cho ngân hàng, bà B là người trực tiếp đi trả gốc và lãi cho các hợp đồng tín dụng nêu trên. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ ông H, chị D đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng đã khởi kiện ông H, chị D tại Tòa án. Việc khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông H, chị D phải trả số tiền mà ông H và chị D còn nợ nói trên là phù hợp, được quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự. Cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự để giải quyết, áp dụng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Do vậy yêu cầu kháng cáo này của chị D, ông H, bà B là không có cơ sở để được HĐXX phúc thẩm chấp nhận.

- Về lãi suất: Do ông H và chị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã chuyển các khoản nợ trên thành các khoản nợ quá hạn và buộc ông H, chị D phải trả lãi với mức lãi suất trong hạn 11,5%/năm; lãi suất quá hạn 17,25%/năm. Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất và đề nghị ông H, chị D phải trả là phù hợp với các điều khoản đã được ký kết giữa ngân hàng với ông H trong HĐTD số 8912-LAV-201801267, giữa ngân hàng với bà Dung trong HĐTD số 8912-LAV-201702249; HĐTD số 8912-LAV201802071. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà Dung cũng nhất trí trả lãi phát sinh trên số tiền gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại 03 HĐTD nêu trên từ ngày 05/01/2024 đến khi thi hành án xong, cụ thể: Lãi suất trong hạn là 11.5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn là 17,25%/năm là phù hợp và phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019 NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất, phù hợp với quy định của pháp luật và án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên tại đơn kháng cáo và tại phiên toà phúc thẩm chị D, ông H, bà B không đồng ý, bà yêu cầu Toà án buộc bà Yến, ông Đoàn, ông Bích, bà Thọ phải trả cả gốc và lãi, lãi phát sinh cho gia đình bà B để bà B trả Ngân hàng.

**HĐXX phúc thẩm xét thấy:** Việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất đã được thỏa thuận trong 03 HĐTD, ông H, chị D, bà B đã nhất trí và ký vào hợp đồng tín dụng, do vậy mức lãi suất được áp dụng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019 NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất, phù hợp với quy định của pháp luật và án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nên HĐXX phúc thẩm xét thấy là phúc hợp và cần được chấp nhận. Vì vậy yêu cầu kháng cáo này của ông H, chị D, bà B là không có cơ sở và không được chấp nhận.

[2.1.3]. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của ngân hàng, yêu cầu bà B phải có nghĩa vụ cùng với ông H trả nợ khoản vay cho ngân hàng theo HĐTD số 8912-LAV-201801267, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng giữa bên cho vay: Agribank



chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh và bên vay: Ông H, bà B không nhất trí với yêu cầu này của ngân hàng, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà B cho rằng mặc dù bà không được ký vào hợp đồng tín dụng nhưng bà có uỷ quyền toàn bộ cho ông H đi vay vốn Ngân hàng, tuy bà không biết việc ông H đi làm thủ tục vay vốn ngân hàng, nhưng bà là người trực tiếp đi trả tiền gốc theo phân kỳ trả nợ lần 1 và trả lãi theo quý.

**HĐXX phúc thẩm thấy rằng:** Năm 2018, từ khi ông H vay tiền ngân hàng, cho đến ngày xét xử ông H và bà B vẫn là vợ chồng, có cùng sổ hộ khẩu, tại phiên tòa phúc thẩm bà B cũng thừa nhận có giấy uỷ quyền giữa bà với ông H, sau khi vay tiền, việc trả tiền gốc và lãi đều do bà B trực tiếp đi trả, việc dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông H và bà B để bảo đảm cho khoản vay này, thì là khoản nợ phát sinh từ giao dịch do ông H và bà B cùng xác lập, lý do ngân hàng để một mình ông H đứng tên trên hợp đồng, chỉ nhằm để thay đổi mã khách hàng, để trên hệ thống ngân hàng không báo việc bà B đang có khoản nợ xấu tại ngân hàng Mường Áng làm ảnh hưởng đến các khoản nợ tại các Ngân hàng khác, do vậy cần xác định bà B phải chịu trách nhiệm liên đới đối với khoản tiền mà ông H đang vay tại ngân hàng, phù hợp với quy định tại Điều 27, 37 của luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu này của ngân hàng, cấp sơ thẩm xem xét giải quyết đối với yêu cầu này là có căn cứ và phù hợp. Yêu cầu kháng cáo này của bà B là không có cơ sở để được chấp nhận.

[2.1.4]. Đối với ý kiến của bà B là người đại diện theo uỷ quyền của ông H, chị D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, chị D tại phiên tòa đều nhất trí trả khoản nợ cho ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng đã ký giữa ngân hàng với ông H, chị D, nhưng không nhất trí trả số tiền lãi phát sinh trên khoản tiền gốc từ ngày 18/11/2019 đến ngày 21/9/2020 với số tiền là: 212.059.730 đồng, trong hợp đồng tín dụng số 8912-LAV-201801267 ngày 30/7/2018 ký kết giữa ngân hàng với ông H, không nhất trí trả số tiền lãi phát sinh trên khoản tiền gốc của hai hợp đồng tín dụng số: 8912- LAV-201702249 ngày 07/12/2017, HĐTD số: 8912-LAV-201802071 ngày 06/12/2018 đã ký giữa ngân hàng với chị D từ ngày 18/11/2019 đến ngày 21/9/2020 với số tiền là: 233.394.494 đồng với lý do: Ngân hàng đã đồng ý với Quyết định phong tỏa tài sản của Tòa án đối với tài sản của bà B, ông H, chị D vào ngày 18/11/2019, trong vụ án dân sự thụ lý số 119/2019 ngày 24/10/2019 mà bà Yên khởi kiện bà B và chị D tại tòa án.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 24/10/2019, tòa án sơ thẩm tiến hành thụ lý vụ án dân sự số 119/2019/TLST-DS về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn là bà Yên, bị đơn là bà B, chị D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H. Trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của bà Yên, ngày 18/11/2019, Tòa án ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2019/QĐ-BPKCTT ngày 18/11/2019, đối với 02 tài sản mà ông H, bà B và chị D đang thế chấp tại ngân hàng (Theo HĐTC số 77 và HĐTC số 78), sau đó bà Yên có đơn yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời, nên ngày 21/9/2020 Tòa án đã ban hành quyết định hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp

khẩn cấp tạm thời này. Sau khi Tòa án ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì bà B mới nộp đơn khiếu nại vào ngày

Do đối tượng bị đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là 02 tài sản đang thế chấp tại ngân hàng, nên Tòa án đã bổ sung ngân hàng vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ngân hàng có văn bản trả lời tòa án với nội dung “Không có ý kiến gì về việc áp dụng khẩn cấp tạm thời của tòa án” là phù hợp với quy định. Tại phiên tòa ông H, chị D, bà B, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H, bà B cho rằng quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2019/QĐ-BPKCTT ngày 18/11/2019 của Tòa án, do ngân hàng không có văn bản bảo vệ khách hàng, nên làm ảnh hưởng đến việc bán tài sản, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà B, ông H, chị D, nhưng trong thời gian Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, cả bà B, chị D, ông H đều đang là đương sự trong vụ án thụ lý số 119/2019/TLST-DS ngày 24/10/2019, trong thời gian này ông H, chị D, bà B đều không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với quyết định này. Sau khi Tòa án ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì bà B, ông H, chị D mới nộp đơn khiếu nại. Do vậy, ý kiến của ông H, chị D, bà B không nhất trí trả các khoản tiền lãi phát sinh, trên các khoản vay trong thời gian từ ngày 18/11/2019 đến ngày 21/9/2020, là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

**[2.2].** Đối với yêu cầu của ngân hàng yêu cầu ông Lê Thanh H, bà Hà Thị B tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 78/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 đã ký giữa Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh và yêu cầu chị Lê Thùy D tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 77/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 đã ký giữa Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh với chị D. Tại cấp sơ thẩm ngân hàng đã rút các yêu cầu khởi kiện này, bà B không nhất trí. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Việc ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc, không trái với quy định của pháp luật, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này, không làm thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự, nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận và đình chỉ đối với các yêu cầu này. HĐXX phúc thẩm xét thấy là phù hợp và đúng quy định.

**[2.3].** Đối với yêu cầu kiện đòi tài sản của ông Lê Thanh H đối với bà Lưu Thị Y và ông Dương Tiến Đ phải trả cho ông H tổng số tiền là: 3.874.332.136 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 30/7/2018 đến ngày 04/01/2024 là: 1.874.332.136 đồng). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Yên, ông Đoàn không trả cho ông H khoản tiền trên, thì bà Yên, ông Đoàn phải trả cho ông H với % lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi trả hết số tiền trên.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 30/7/2018, thông qua hợp đồng tín dụng số 8912-LAV-201801267 ngày 30/7/2018, ngân hàng cho ông H vay khoản tiền: 2.000.000.000 đồng, mục đích vay tiền: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 27/7/2018; số công chứng 3337/2018, quyền số 01 TP/CC-

SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng Xuân Phúc; Cũng trong ngày 27/7/2018, ông H, bà B, bà Yên, ông Đoàn cùng ký văn bản thỏa thuận về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số công chứng 3339a/2018, quyền số 01-TP/CC-SCC/HĐ-GD, tại văn phòng công chứng Xuân Phúc, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 27/7/2018, đã được các bên ký hủy bỏ trước ngày ông H ký hợp đồng tín dụng số HĐTD số 8912-LAV-201801267, ngày 30/7/2018, ông H, bà B biết rõ nhưng không thông báo cho ngân hàng biết về việc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã bị hủy bỏ cùng ngày, ông H vẫn ký ủy nhiệm chi đồng ý để ngân hàng chuyển khoản số tiền 2.000.000.000 đồng vào tài khoản của bà Yên, khi ký ủy nhiệm chi số tiền 2.000.000.000 đồng vào tài khoản của bà Yên, ông H khai rằng mình không đọc, mà chỉ ký vào giấy ủy nhiệm chi, dù ông không nhận được khoản tiền vay 2.000.000.000 đồng từ ngân hàng, nhưng do không biết, nên bà B vẫn thực hiện trả tiền gốc 300.000.000 đồng và lãi của khoản vay, đến khi ngân hàng khởi kiện, bà B mới biết bà B và ông H chưa nhận được khoản tiền vay này. Như vậy là không trung thực, không phù hợp với thực tế, đại diện Ngân hàng cũng như bà Thủy, chị Vân đều khẳng định khoản vay ngân hàng 2.000.000.000 đồng của ông H vào ngày 30/7/2018 là để trả vào khoản nợ 2.000.000.000 đồng mà bà B đang nợ ngân hàng từ ngày 07/12/2017, chứ bà Yên không được nhận khoản tiền này. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận đối với yêu cầu độc lập của ông H yêu cầu bà Yên, ông Đoàn phải trả cho ông H số tiền 3.874.332.136 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 30/7/2018 đến ngày 04/01/2024 là: 1.874.332.136 đồng). Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông H, nên không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của ông H đối với các khoản tiền này sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. HĐXX phúc thẩm xét thấy ý kiến của bà B đưa ra là không có căn cứ và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, bà B.

**[2.4].** Đối với yêu cầu kiện đòi tài sản của chị Lê Thùy D yêu cầu ông Lưu Huy B, bà Nguyễn Thị T, bà Lưu Thị Y và ông Dương Tiến Đ phải trả cho chị D tổng số tiền là: 4.074.167.217 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 07/12/2017 đến ngày 04/01/2024 là: 2.074.167.217 đồng). Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Bích, bà Thọ, bà Yên, ông Đoàn không trả cho chị D khoản tiền trên, thì ông Bích, bà Thọ, bà Yên, ông Đoàn phải trả cho chị D với % lãi suất theo quy định của pháp luật cho đến khi trả hết số tiền trên.

Xét thấy: Ngày 07/12/2017, tại HĐTD số 8912-LAV-201702249 Ngân hàng có cho chị D vay số tiền 2.000.000.000 đồng, mục đích vay tiền: Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 04/12/2017, số công chứng 4913/2017 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng Xuân Phúc tỉnh Điện Biên giữa người bán là ông Lưu Huy B và bà Nguyễn Thị T, người nhận chuyển nhượng là chị Lê Thùy D với giá trị chuyển nhượng mảnh đất là 2.000.000.000 đồng, đến ngày 06/12/2017 cũng tại văn phòng công chứng Xuân Phúc, ông Lưu Huy B và bà Nguyễn Thị T cùng với chị Lê Thùy D đã lập văn bản thỏa thuận về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số công chứng 4913a/2017, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD (Hợp đồng mua bán hủy trước ngày chi D vay tiền tại ngân hàng). Ngày 07/12/2017, khi ngân hàng giải ngân khoản vay thì chị D đã đồng ý ký ủy nhiệm chi số 64, để ngân hàng giải ngân và chuyển vào tài khoản số 8912205068352 được mở tại Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ mang tên ông Lưu Huy B, số tiền 2.000.000.000 đồng, cũng trong ngày 07/12/2017, ông Lưu Huy B đã ký giấy rút tiền với số tiền 2.000.000.000 đồng trong tài khoản, việc rút tiền được thực hiện bằng phương thức rút tiền mặt. Bà Yến cho rằng khi rút tiền có ông Bích và bà B cùng rút tiền mặt, sau khi ông Bích rút tiền mặt xong, có mang về nhà bà B, tại nhà mình, bà B đã dùng số tiền vừa vay để trả cho bà Yến khoản vay mà bà B đang nợ bà Yến, nhưng bà Yến không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc khi rút tiền tại ngân hàng, có cả bà B và ông Bích. Sau khi vay và chuyển vào tài khoản của ông Bích, mặc dù hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bích bà Thọ và chị D đã được các bên thống nhất thỏa thuận hủy trước ngày vay tiền, nhưng khi vay tiền tại ngân hàng, chị D không thông báo cho ngân hàng biết về mục đích vay tiền đã bị hủy bỏ, mà vẫn ký ủy nhiệm chi, đồng ý chuyển tiền vào tài khoản của ông Bích, trong suốt thời gian từ khi vay là ngày 07/12/2017 đến ngày 01/7/2019 chị D vẫn thực hiện việc trả tiền lãi và gốc của khoản vay trên, cụ thể ngày 05/12/2018 chị D đã trả 200.000.000 đồng tiền gốc vào khoản vay trên. Ngày 06/12/2018, chị D tiếp tục đề nghị ngân hàng cho vay lại khoản tiền gốc 200.000.000 đồng và đã được ngân hàng đồng ý, nên chị D và ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng số 8912-LAV201802071 ngày 06/12/2018 với số tiền vay là 200.000.000 đồng, sau đó chị D và bà B vẫn tiếp tục trả lãi cho ngân hàng. Bà B cho rằng: Sau khi ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của ông Bích, do đang có nhầm lẫn trong các khoản vay của bà Yến với ngân hàng, nên sau khi đã vay xong tiền ngân hàng, nhưng chưa nhận được tiền vay của ngân hàng, chị D, bà B cũng không có ý kiến gì, vẫn chấp hành trả lãi hàng tháng và số tiền gốc 200.000.000 đồng cho ngân hàng, sau lại tiếp tục làm thủ tục vay số tiền 200.000.000 đồng. Cho đến khi ngân hàng khởi kiện, bà B, chị D mới biết khoản tiền vay của chị D đã được chuyển vào tài khoản của ông Bích, từ đó đến nay. Trong quá trình giải quyết bà B đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là: đơn trình báo gửi công an phường N, và chủ tịch UBND phường N ngày 20/10/2019 (BL 919) có nội dung "Ngày 28/11/2017 chúng tôi làm được 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp vay tiền ngân hàng 04 tỷ đồng, ngày 07/12/2017 trả cho cô Yến hết cả gốc và lãi (Đợt 1), đến ngày 17/10/2023, bà B tiếp tục nộp cho Tòa án 02 ảnh trên 02 bức ảnh đều có nội dung ghi chú" Tiền B vay ngân hàng 04 tỷ đồng trả cho Yến ngày 07/12/2017", mặc dù sau đó bà B cho rằng sau khi bà với bà Yến cho nhau vay tiền xong, do bà Yến gian dối, lật lừa, vu khống nên bà B đã nghĩ cách vu khống cho bà Yến, chứ thực tế ngày 07/12/2017 bà B vay ngân hàng có 02 tỷ, còn lại bà lấy các khoản tiền khác để trả cho bà Yến.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Lê Thùy D là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, số tiền 2.000.000.000 đồng chị D đã vay tại ngân hàng là một khoản tiền lớn có giá trị, khi chuyển tiền vào tài khoản cho ông Lưu Huy B chị không biết, không

đọc, nhưng tại thời điểm đó hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị D với ông Bích, bà Thọ đã bị chính các bên ký hủy bỏ, mặc dù không nhận được tiền vay từ ngân hàng, không yêu cầu ông Bích trả lại tiền đã chuyển vào tài khoản do việc mua đất không thành, chị D vẫn thực hiện việc trả gốc, trả lãi vào khoản vay, sau đó lại tiếp tục ký hợp đồng tín dụng vào ngày 06/12/2018 để vay lại khoản tiền gốc 200.000.000 đồng như vậy là không phù hợp, không trung thực trong lời khai. Từ những phân tích ở trên, cho thấy trong năm 2017, giữa bà B và bà Yến có việc vay tiền với nhau. Vào ngày 07/12/2017, sau khi vay ngân hàng tổng số tiền 04 tỷ đồng bằng 02 hợp đồng tín dụng mang tên bà Hà Thị B và chị Lê Thùy D, bà B đã dùng số tiền này để trả các khoản vay mà bà B đang nợ bà Yến. Nên cấp sơ thẩm không chấp nhận đối với yêu cầu này là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên HĐXX phúc thẩm xét thấy kháng cáo của ông H, chị D, bà B không có cơ sở để chấp nhận.

**[2.5].** Tại phiên toà phúc thẩm bà B, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà B, ông H đề nghị HĐXX phúc thẩm tạm ngừng phiên toà và tạm đình chỉ giải quyết vụ án, chuyển hồ sơ sang cơ quan Điều tra Công an tỉnh Điện Biên do có dấu hiệu hiệu hình sự, vì Ngân hàng Nông nghiệp trong quá trình thẩm định hồ sơ, lập hợp đồng tín dụng không đúng quy định của pháp luật, không đúng quy trình về phương thức cho vay, lập hợp đồng không để cho vay dẫn đến hậu quả của hợp đồng vô hiệu, làm thất thoát tài sản của Nhà nước để cho cá nhân khác chiếm đoạt tài sản; Ngoài ra Bà B có ý kiến giấy uỷ nhiệm chi ngày 07/12/2017 khách hàng trả tiền Hà Thị B, khách hàng thụ hưởng Lưu Thị Y, số tiền 2 tỷ đồng, bà B vay Ngân hàng chuyển vào tài khoản của bà Yến (bút lục 444), ông Lê Doãn S ký sao y bản chính ngày 05/01/2023, ông Sáng cung cấp giấy uỷ nhiệm chi này cho Toà không đúng với bản gốc mà bà đã sao chụp trước đó với lý do số tiền 2 tỷ đồng trong bản sao gửi cho Toà án đã bị bôi đen, chữ ký và chữ viết ở phần giao dịch viên không đúng chữ ký của giao dịch viên Trần Thị Hải Châu.

Xét thấy: Trong quá trình xét hỏi công khai khách quan toàn diện, HĐXX phúc thẩm đã làm rõ đối với quá trình lập hợp đồng tín dụng, việc vay tiền giữa ông H, chị D là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc; ông H, chị D là người đề nghị vay vốn và cung cấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để lập phương án vay vốn, tại phiên toà bà B, ông H, bà Dung thừa nhận có việc vay vốn, sau khi vay vốn có bà B là người trực tiếp đi trả tiền lãi, tiền gốc theo phân kỳ trả nợ và trả lãi hàng quý. Đối với 2 giấy uỷ nhiệm chi ngày 07/12/2017 cùng ngày nhưng khác nhau một giấy có phần bôi đen ở phần ghi số tiền 2 tỷ đồng, một giấy thì rõ chữ 2 tỷ đồng, thì đã thể hiện 1 giấy ghi (liên 1) và 1 giấy ghi (liên 2), phần bôi đen có chữ 2 tỷ đồng là ở giấy ghi (liên 1) giấy lưu tại Ngân hàng, phần rõ chữ 2 tỷ đồng không bị bôi đen là (liên 2) giấy giao cho khách hàng là mẫu giấy uỷ nhiệm chi của ngân hàng. Theo bản gốc phần bôi đen (liên 1) này là màu xanh nhạt hoặc màu đỏ nhạt, sau khi được phân tích, giải thích tại phiên toà phúc thẩm bà B và các đương sự tham gia phiên toà đã hiểu và không có ý kiến gì thắc mắc. Do vậy yêu cầu HĐXX phúc thẩm tạm đình chỉ vụ án để chuyển hồ sơ sang

cơ quan điều tra của bà B và người bảo vệ quyền lợi cho bà B, ông H là không có cơ sở để HĐXX phúc thẩm chấp nhận.

**[3]. Chi phí tố tụng:** Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết 13.444.000 đồng, Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng này, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án xem xét đối với chi phí tố tụng này. HĐXX không xem xét.

**[4] Án phí:** Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án bị kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148/BLTTDS; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án các đương sự phải chịu án phí như sau:

- Án phí DSST: Áp dụng Điều 147/BLTTDS, điểm đ Điều 12, nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, ông H, bà B, chị D đều thuộc hộ nghèo, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Án phí DSPT: Người kháng cáo ông H, chị D, bà B phải chịu 300.000 đ án phí DSPT, nhưng ông H, bà B, chị D đều thuộc hộ nghèo, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm có giá ngạch.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14.

#### ***Tuyên xử:***

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Thanh H, chị Lê Thùy D, bà Hà Thị B về việc kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

**2.** Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2024/DS-ST ngày 04/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên cụ thể như sau:

2.1. Chị Lê Thùy D phải trả cho Agribank thông qua Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh tổng số tiền tính đến ngày 04/01/2024 là: **3.053.626.027** đồng (Trong đó: Nợ gốc là: 1.800.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 04/01/2024 là: 1.253.626.027 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn: 935.186.301 đồng, lãi quá hạn: 318.439.726 đồng)), theo HĐTD số: 8912- LAV-201702249 ngày 07/12/2017, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng đề

ngày 06/12/2019 giữa bên cho vay: Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ - Phòng giao dịch Mường Thanh và bên vay chị Lê Thùy D.

2.2. Chị Lê Thùy D phải trả cho Agribank thông qua Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh tổng số tiền tính đến ngày 04/01/2024 là: **326.054.179** đồng (Trong đó: Nợ gốc là: 200.000.000 đồng; Nợ lãi tạm tính đến ngày 04/01/2024 là 126.054.179 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là: 98.112.329 đồng; Lãi quá hạn là: 27.841.850 đồng)), theo HĐTD số: 8912-LAV-2018 02071 ngày 06/12/2018, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 05/12/2019 giữa bên cho vay: Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ - Phòng giao dịch Mường Thanh và bên vay chị Lê Thùy D.

2.3. Chị Lê Thùy D phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại HĐTD số: 8912- LAV-201702249 ngày 07/12/2017, văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 06/12/2019, HĐTD số: 8912-LAV-2018 02071 ngày 06/12/2018, Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 05/12/2019, giữa bên cho vay: Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ - Phòng giao dịch Mường Thanh và bên vay: Chị Lê Thùy D từ ngày 05/01/2024 đến khi thi hành án xong, cụ thể: Lãi suất trong hạn là 11.5%/năm; Lãi suất nợ quá hạn là 17,25%/năm.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Thanh H yêu cầu bà Lưu Thị Y và ông Dương Tiến Đ phải trả cho ông H tổng số tiền là: 3.874.332.136 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 30/7/2018 đến ngày 04/01/2024 là: 1.874.332.136 đồng). Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của ông H đối với các khoản tiền này sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Lê Thùy D yêu cầu ông Lưu Huy B, bà Nguyễn Thị T, bà Lưu Thị Y và ông Dương Tiến Đ phải trả cho chị D tổng số tiền là: 4.074.167.217 đồng (Trong đó: Tiền gốc là: 2.000.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 07/12/2017 đến ngày 04/01/2024 là: 2.074.167.217 đồng). Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của chị D đối với khoản tiền này sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Agribank về việc: Yêu cầu ông Lê Thanh H và bà Hà Thị B tiếp tục thực hiện HĐTC số 78/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 đã ký giữa Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh với ông Lê Thanh H, bà Hà Thị B.

6. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Agribank về việc: Yêu cầu chị Lê Thùy D tiếp tục thực hiện HĐTC số 77/2017/HĐTC ngày 07/12/2017 đã ký giữa Agribank chi nhánh thành phố Điện Biên Phủ, phòng giao dịch Mường Thanh với chị Lê Thùy D.

7. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Lê Thanh H đối với bà Thào Thị D và bà Lê Thị Thủy với tổng số tiền là 928.625.000 đồng (Bà Dung là 464.312.000 đồng, bà Thủy là 464.312.000 đồng).

8. Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Lê Thùy D đối với bà Thào Thị D và bà Lê Thị Thủy với tổng số tiền là 1.150.000.000 đồng (Bà Dung là 575.000.000 đồng, bà Thủy là 575.000.000 đồng).

9. Về chi phí tố tụng: Do Agribank không yêu cầu giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; p thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**3.** Các nội dung khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**4. Án phí:** Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148/BLTTDS; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng, án phí, lệ phí Tòa án các đương sự phải chịu án phí như sau:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm đ Điều 12, nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, ông H, bà B, chị D đều thuộc hộ nghèo, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo ông H, chị D, bà B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng ông H, bà B, chị D đều thuộc hộ nghèo, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm có giá ngạch.

**5.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (27/8/2024).

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Điện Biên Phủ.
- VKSND thành phố Điện Biên Phủ
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS thành phố Điện Biên Phủ;
- Các đương sự;
- Lưu: Phòng HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Vũ Thị Thanh Thủy**